

TƯ TƯỞNG ĐỘC LẬP TỰ DO VỚI CHIẾN LƯỢC ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC CỦA HỒ CHÍ MINH

PGS LÊ MẬU HÃN

Dân tộc Việt Nam có tinh thần cố kết, đùm bọc lẫn nhau, đoàn kết chặt chẽ thành một khối thống nhất ngày càng bền vững, có ý chí độc lập và khát vọng tự do, có ý thức về chủ quyền, thống nhất đất nước. Độc lập tự do là quyền vô cùng thiêng liêng của dân tộc Việt Nam. Chủ nghĩa dân tộc, ý chí độc lập, tự do là dòng chủ lưu xuyên suốt của lịch sử, là nền tảng tinh thần của sự trường tồn và phát triển, là động lực vô địch của Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là sức mạnh để chiến đấu đánh bại quân xâm lược ngoại bang. Nghiên cứu tiến trình lịch sử Việt Nam, Hồ Chí Minh đã viết: "... nhờ ý chí độc lập và lòng khát khao tự do hơn là nhờ quân đông sức mạnh, nước Nam đã thắng"¹ quân phong kiến Trung quốc đến xâm lược nước ta. Từ lịch sử Việt Nam và thế giới, Người đã nêu một luận điểm về quyền thiêng liêng nhất của các nước trên thế giới rằng: "Tự do độc lập là quyền trời cho của mỗi dân tộc... Hễ một dân tộc đã đứng lên kiên quyết tranh đấu cho Tổ quốc họ thì không ai, không lực lượng gì chiến thắng được họ"².

Từ giữa thế kỷ XIX, nước ta bị thực dân Pháp xâm lược và thống trị. Việt Nam từ một nước độc lập biến thành một nước thuộc địa. Mâu thuẫn giai cấp của xã hội Việt Nam có sự chuyển biến lớn. Sự xung đột về quyền lợi giai cấp trong nội bộ dân tộc vốn không diễn ra giống như các nước phương Tây mà còn giảm thiểu lớn. Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp trở thành mâu thuẫn chủ yếu, diễn ra ngày càng gay gắt. Dựa trên động lực của chủ nghĩa dân tộc truyền thống, nhân dân Việt Nam đã liên tiếp nổi dậy đấu tranh, song vì thiếu một định hướng chiến lược cách mạng khoa học phù hợp với yêu cầu phát triển mới của dân tộc

nên chưa có thể thành công. Trong bối cảnh lịch sử đó, người thanh niên yêu nước và cấp tiến Nguyễn Tất Thành - Hồ Chí Minh đã dấn thân trên các nẻo đường của thế giới để khảo sát, học hỏi, suy ngẫm về con đường cứu nước, giải phóng dân tộc phù hợp với điều kiện đất nước, lịch sử và con người Việt Nam.

Bằng thiên tài trí tuệ, với phẩm chất, nhân cách và bằng hoạt động thực tiễn của mình, Hồ Chí Minh đã nghiên cứu, kế thừa và nâng lên tầm cao mới của thời đại nguồn giá trị văn hoá tư tưởng truyền thống, trong đó chủ nghĩa dân tộc chân chính, sự cố kết dân tộc, ý chí độc lập tự do là dòng chủ lưu xuyên suốt lịch sử Việt Nam để kết hợp, tiếp biến và tổng hoà, phát

triển biện chứng tinh hoa văn hoá phương Đông và tư tưởng các cuộc cách mạng ở Âu, Mỹ ở thế kỷ XVII, XVIII, đặc biệt là học thuyết cách mạng của Mác, Lênin, để đề ra một hệ tư tưởng cách mạng toàn diện, sáng tạo, mang tầm vóc một học thuyết cách mạng, khoa học về giải phóng và phát triển dân tộc, vì độc lập, tự do.

Cùng với việc xây dựng lý luận cách mạng, Hồ Chí Minh đã đào tạo những chiến sĩ tiên phong cách mạng, truyền bá lý luận giải phóng dân tộc vào Việt Nam và tổ chức nhân dân.

Học thuyết cách mạng giải phóng và phát triển dân tộc của Hồ Chí Minh được truyền vào Việt Nam đã đáp ứng khát vọng thiêng liêng và nóng bỏng của nhân dân Việt Nam, trước hết là tầng lớp học sinh, sinh viên, trí thức yêu nước và cấp tiến. Họ đã dần thân đi vào quần chúng để tuyên truyền, vận động, tổ chức nhân dân đấu tranh, làm dậy lên trong cả nước một phong trào dân tộc dân chủ ngày càng mạnh mẽ. Điều đó phản ánh khá rõ sự trưởng thành về chính trị, ý thức giác ngộ của phong trào quần chúng. Nhu cầu lập “Đảng cách mệnh” đã chín muồi, đưa đến sự ra đời của các Đảng Cộng sản ở Việt Nam vào mùa Thu năm 1929.

Thực hiện trọng trách lịch sử của mình đối với dân tộc và là phái viên của Quốc tế cộng sản có đầy đủ quyền trực tiếp quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương, Hồ Chí Minh đã triệu tập đại biểu của An Nam cộng sản Đảng và Đông Dương cộng sản Đảng, họp từ ngày 6-1-1930 tại Cửu Long, Hồng Kông để họp nhất thành một đảng thống nhất³.

Không chỉ bằng uy tín của một người mở đường xây dựng học thuyết cách mạng và với

tư cách phái viên của Quốc tế cộng sản mà còn bằng thái độ chân thành và sức thuyết phục lớn, Hồ Chí Minh đã chỉ cho đại diện của hai đảng rõ về những sai lầm của họ và những việc họ phải thực hiện đã đưa đến sự đồng thuận, thống nhất cả hai đảng thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị đã nhất trí thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt - Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng và các văn kiện quan trọng khác. Hồ Chí Minh cũng đã quyết định phải tổ chức một Ban Chấp hành Trung ương lâm thời.

Đảng cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, của dân tộc Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp học thuyết cách mạng Hồ Chí Minh và chủ nghĩa Mác- Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam trong những năm hai mươi của thế kỷ XX. Đây là một đặc trưng của sự hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng Hồ Chí Minh. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời thông qua sự thử thách sàng lọc, chọn lựa lịch sử, là sự hiện thực hoá trong cuộc đấu tranh của dân tộc theo “con đường cách mệnh” của Hồ Chí Minh.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã tạo ra một bước ngoặt trên con đường phát triển của cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh cách mạng của Đảng do Hồ Chí Minh soạn thảo được Hội nghị họp nhất Đảng nhất trí thông qua đã đề ra chủ trương chiến lược tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản; phải huy động sức mạnh của các giai cấp, tầng lớp xã hội gồm công nhân, nông dân, liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, trung tiểu địa chủ và tư sản bản xứ

nhằm thực hiện nhiệm vụ đánh đuổi chủ nghĩa đế quốc Pháp và phong kiến làm cho nước Việt Nam được *độc lập, tự do*.

Cương lĩnh đầu tiên của Đảng đã kết hợp biện chứng yếu tố dân tộc và giai cấp, trong đó nổi bật lên như một điểm son sáng chói là yếu tố *dân tộc, tư tưởng độc lập, tự do*. Đó là yếu tố chủ yếu quyết định tính độc đáo về tư tưởng và chủ trương chiến lược của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam chứ không phải là điều “sai lầm chánh trị rất lớn và rất nguy hiểm cho cách mạng”⁴. Giương cao ngọn cờ độc lập tự do là cơ sở tư tưởng chính trị, động lực lớn để thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc, thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất - một trong những nhân tố cơ bản quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Ngay tại Hội nghị thống nhất Đảng, Hồ Chí Minh đã quyết định, sau khi thành lập Ban Chấp hành Trung ương lâm thời, ngoài công tác hàng ngày, phải tổ chức ngay *Hội phản đế - tức là Mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc*.

Ban chấp hành Trung ương chưa kịp thành lập Hội phản đế để tập hợp và tổ chức quần chúng đấu tranh, song với ngọn cờ độc lập tự do của Hồ Chí Minh, ngay từ năm 1930, phong trào cách mạng có tính quần chúng rộng rãi đã nổ ra ở nhiều địa phương, tiêu biểu là các địa phương có phong trào lên đến đỉnh cao như ở Nghệ An, Hà Tĩnh. Ở hai tỉnh này đã phát huy được sức mạnh đoàn kết dân tộc, không chỉ có công nông, mà còn có các tầng lớp trí thức, một số sĩ phu, phú nông, trung tiểu địa chủ và một số quan lại nhỏ ở nông thôn cũng tham gia hoặc ủng hộ phong trào.

Ngay cả khi phong trào cách mạng bị thực dân Pháp và tay sai khủng bố, đàn áp dã man, các tầng lớp từ trí thức, trung tiểu địa chủ có xu hướng cách mạng cũng vẫn kính phục Đảng Cộng sản, phong trào công nông và âm thầm ủng hộ cách mạng⁵.

Tư tưởng độc lập, tự do của Hồ Chí Minh ngày càng thấm đượm trong đường lối, chủ trương, chính sách và tổ chức của Đảng- nhất là từ sau khi Người về nước trực tiếp lãnh đạo cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

Từ thực tiễn phong trào cách mạng những năm 1930 đến 1935 và sau sự chuyển hướng chính trị của Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã có nhận thức ngày càng đúng hơn quan hệ biện chứng giữa vấn đề dân tộc và giai cấp, giữa vấn đề chống đế quốc và chống phong kiến, trong đó vấn đề dân tộc là vấn đề chủ yếu xuyên suốt lịch sử của Việt Nam. Văn kiện *Chung quanh vấn đề chiến sách mới* của Đảng công bố tháng 10 - 1936 đã nêu rõ: “Đông Dương là xứ thuộc địa..., nhiệm vụ của Đảng cộng sản ở đó không những phải thâm phục đa số thợ thuyền, mà còn cần phải thâm phục quảng đại quần chúng nông dân và tiểu tư sản ở thành thị, đồng thời trong lúc lập mặt trận rộng rãi, chúng ta lại phải thâm phục hết các lớp trong nhân dân”⁶. Đảng Cộng sản Đông Dương, những chiến sĩ cộng sản của Đảng chính là con cháu của các dân tộc ở Đông Dương phải bênh vực anh em, đồng bào bị áp bức, chiến đấu với khẩu hiệu “Tất cả vì Tổ quốc, Đảng phải là “đảng của dân chúng bị áp bức, đội tiên phong cho cuộc dân tộc giải phóng”⁷.

Từ khi chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, Pháp - Nhật cấu kết với nhau, nhân dân các dân tộc Đông Dương sống trong nỗi nhục một cổ hai tròng áp bức, càng làm cho mâu thuẫn giữa các dân tộc ở Đông Dương với Pháp - Nhật trở nên sâu sắc và gay gắt hơn bao giờ hết. Lúc này “Nhân dân Việt Nam... ai cũng chán ghét cuộc đời nô lệ, ai cũng muốn độc lập, tự do, và đang trong tư thế một người lên tiếng vạn người ủng hộ”⁸.

Giữa lúc đó, tháng 5 - 1941, Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp, do Hồ Chí Minh chủ trì, đã quyết định thay đổi chiến lược cách mạng tư sản dân quyền bằng chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc, thực hiện nhiệm vụ cần kíp là đánh đuổi Pháp và Nhật, giành lại quyền độc lập, tự do. Để làm tròn nhiệm vụ thiêng liêng đó đối với đất nước phải thực hiện đại đoàn kết dân tộc trong một mặt trận có tính chất dân tộc rộng rãi hơn với tên gọi là *Việt Nam độc lập đồng minh*, gọi tắt là Việt Minh. Sau khi đánh đuổi được Pháp - Nhật sẽ thành lập một nhà nước dân chủ mới theo thể chế dân chủ cộng hoà, là một nhà nước chung của toàn dân tộc chứ không phải của riêng một đảng phái, của một giai cấp nào cả. Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà lấy lá cờ đỏ với ngôi sao vàng năm cánh làm cờ của toàn quốc. Chính phủ ấy do Quốc dân đại hội cử ra.

Ngày 25-10-1941, *Việt Nam độc lập đồng minh* - Việt Minh tuyên bố ra đời. “Việt Minh chủ trương liên hiệp hết thảy các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo, già trẻ, trai gái, không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị, đặng cùng nhau mưu cuộc dân tộc giải phóng và sinh tồn”⁹.

Bản Chương trình cứu nước của Việt Minh gồm 44 chính sách lớn về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và những chính sách cụ thể đối với các tầng lớp nhân dân, cốt để thực hiện hai điều mà toàn thể đồng bào trong cả nước mong ước là:

1. Làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập;
2. Làm cho dân Việt Nam được sung sướng, tự do.

Sự thay đổi chiến lược cách mạng tư sản dân quyền thành chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc, vì độc lập tự do là một chủ trương đúng đắn, sáng tạo của Hồ Chí Minh. Đó là cơ sở chính trị để thành lập Việt Minh, một mặt trận đại đoàn kết dân tộc tiêu biểu, hoàn chỉnh về chính trị và tổ chức, trên đường hình thành và phát triển Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam. Hồ Chí Minh là Người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Mặt trận, là hiện thân của khối đại đoàn kết dân tộc.

Sự ra đời và hoạt động của Việt Minh đã động viên và tập hợp được sức mạnh của dân tộc trong toàn quốc đứng lên đánh Pháp đuổi Nhật, xoá bỏ bộ máy của Nhật bằng cuộc khởi nghĩa dân tộc tháng Tám - 1945, thành lập Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Đây là một điển hình thành công về chiến lược, phương thức và nghệ thuật khởi nghĩa dân tộc, đưa tư tưởng độc lập tự do của Hồ Chí Minh thành hiện thực của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

Vào giữa tháng Tám - 1945, thời cơ khởi nghĩa đã chín muồi. Cơ hội ngàn năm có một của dân tộc đã đến. Theo quyết định của Đảng và Tổng bộ Việt Minh, và Quốc dân đại hội

mang tính chất và tầm vóc lịch sử một tổ chức tiên thân của Quốc hội nước Việt Nam dân chủ mới, đã nhất trí quyết tâm đem sức mạnh của toàn dân tộc để chuyển xoay vận nước bằng cuộc khởi nghĩa dân tộc, xoá bỏ bộ máy thống trị của Nhật, thành lập chính quyền cách mạng của toàn dân Việt Nam.

Cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám-1945 là sự vùng dậy mãnh liệt với một tinh thần dũng cảm của khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam trong cả nước. Lực lượng quần chúng được tổ chức từ trước hoặc mới được tham gia vào tổ chức Cứu quốc ngay trong đêm trước cuộc khởi nghĩa, và cả đông đảo quần chúng chưa tham gia vào tổ chức Việt Minh, theo mệnh lệnh của trái tim yêu nước, lòng khát khao độc lập tự do đã xuống đường đấu tranh giành chính quyền. Ngay cả Bảo Đại cũng đã ra tuyên cáo thoái vị, để Chính phủ Dân chủ Cộng hoà thực hiện quyền điều khiển quốc dân Việt Nam, và từ nay được làm dân tự do của một nước độc lập. Việc Bảo Đại thoái vị và tám ngày sau Lễ tuyên bố độc lập, Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 23/SL (10-9-1945) cử làm Cố vấn Chính phủ lâm thời là một sự kiện có ý nghĩa về cả tinh thần và tính “hợp pháp hoá” truyền thống đã được thừa nhận trên thế giới.

Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - đại biểu cho toàn dân Việt Nam, long trọng công bố bản *Tuyên ngôn độc lập*, tuyên bố với quốc dân đồng bào và thế giới rằng: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và thực sự đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem

tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”¹⁰.

Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam phát triển đến đỉnh cao thắng lợi bằng cuộc *khởi nghĩa dân tộc* tháng Tám năm 1945. Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là *Chính phủ đại diện cho toàn dân Việt Nam* chứ không phải của riêng thuộc về một đảng phái hoặc một giai cấp nào khác, như Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương Đảng do Hồ Chí Minh đã vạch ra để chỉ đạo cho toàn dân đấu tranh biến thành hiện thực cuộc sống của dân tộc.

Khởi nghĩa dân tộc hay chiến tranh giải phóng dân tộc là phương thức đấu tranh cơ bản của nhân dân các nước thuộc địa để giành lại quyền độc lập của dân tộc. V.I. Lênin đã từng đề cập đến: những lò lửa khởi nghĩa dân tộc, xuất hiện gắn liền với cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa đế quốc, đã bùng cháy ở các thuộc địa, ở cả châu Âu và “đã có những mưu đồ khởi nghĩa ở An - nam thuộc Pháp”¹¹. Khởi nghĩa dân tộc là “một cuộc khởi nghĩa nhằm thiết lập quyền độc lập chính trị của dân tộc bị áp bức, nghĩa là nhằm tạo ra một quốc gia dân tộc riêng biệt”¹². Và cần thấy rằng, cuộc khởi nghĩa dân tộc cũng là “bảo vệ Tổ quốc”!. Ai chịu khó suy nghĩ một chút thì cũng đều nhận thấy đúng như thế, vì bất cứ “một dân tộc nào nổi dậy” cũng tự “bảo vệ” chống lại dân tộc đi áp bức, bảo vệ ngôn ngữ của mình, đất đai của mình. “Bất cứ một sự áp bức dân tộc nào cũng gây ra sự phản kháng trong *quảng đại quần chúng nhân dân*, và *xu hướng* của bất cứ một sự phản kháng nào của dân cư bị áp bức về mặt dân tộc cũng là khởi nghĩa dân tộc”¹³.

Cuộc khởi nghĩa tháng Tám - 1945 là một điển hình thành công về nghệ thuật khởi nghĩa dân tộc, phản ánh rõ tiềm năng sáng tạo của Đảng, của dân tộc mà trước hết là Hồ Chí Minh, Người đã vạch ra một hệ tư tưởng cách mạng Việt Nam mang tầm vóc một học thuyết giải phóng và phát triển dân tộc vì độc lập tự do. Trên cơ sở học thuyết đó, Người đã lãnh đạo Đảng vạch ra đường lối chính trị, tổ chức lực lượng của dân tộc theo chiến lược đại đoàn kết dân tộc, thực hiện phương thức khởi nghĩa sáng tạo, đã dẫn đến thắng lợi của cuộc cách mạng giải phóng, đánh đuổi được Pháp - Nhật, giành lại quyền làm chủ đất nước, và nguồn giá trị văn hoá hơn ngàn năm lịch sử.

Cuộc cách mạng tháng Tám - 1945 là một điển hình thành công về sự thức tỉnh ý thức dân tộc vì độc lập, tự do, về sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc. Ngày 6-10-1945, khi nói chuyện với các đại biểu các báo chí về nội trị, ngoại giao nhà nước, Hồ Chí Minh đã nêu rõ: “Có một điều chúng ta đáng mừng là cách mạng Việt Nam đã có một ưu điểm so với cách mạng các nước Nga, Tàu, Pháp. Cách mạng ở đâu thành công cũng phải đổ máu nhiều. Có nước phải chặt đầu vua. Có nước đồng bào chia đảng phái, chém giết nhau liên tiếp trong bao nhiêu năm. Nước ta, vua tự thoái vị, các đảng phái không có mấy. Trong một thời gian ngắn, các giai cấp đoàn kết thành một khối, muôn dân đoàn kết để mưu hạnh phúc chung là nước được hoàn toàn độc lập và chống được giặc xâm lăng, đuổi bọn thực dân tham ác ra ngoài bờ cõi”¹⁴.

Thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám - 1945, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đưa Đảng ta từ một đảng hoạt động bí

mật bất hợp pháp trở thành một đảng cầm quyền trong cả nước là một minh chứng về giá trị sáng tạo của học thuyết giải phóng và phát triển vì độc lập tự do và chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh.

Giương cao ngọn cờ độc lập tự do, phát huy mạnh mẽ động lực dân tộc, thực hiện chiến lược:

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết

Thành công, thành công, đại thành công”

lấy khối liên minh công nông và trí thức làm cơ sở, đoàn kết chân thành với mọi lực lượng yêu nước và tiến bộ của dân tộc trong cuộc Cách mạng tháng Tám được Hồ Chí Minh và Đảng tiếp tục phát triển trong điều kiện mới, đã đưa đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954- 1975), hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước.

1. *Hồ Chí Minh Toàn tập*: CTQG, H, 1995, T.1, tr.80

2. *Sđđ*, T. 5, tr.7

3. Tổ chức Đông Dương Cộng sản liên đoàn đến ngày 24-2-1930 được hợp nhất vào ĐCS Việt Nam. Sự hợp nhất cả 3 tổ chức cộng sản ở Việt Nam đã hoàn tất

4,5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 1998, T.2, tr. 236, 229

6, 7. *Sđđ*, T.6, tr.155, 150

8. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 1995, T.3, tr.174

9. *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 2000, T.7, tr.461.

10. *Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*, *Báo Cứu Quốc*, số 36, ngày 5-9-1945

11,12,13. *V.I.Lênin Toàn tập*, Tiến bộ M, 1981, T.30, tr.67,150, 147

14. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 1995, T. 4, tr.43-44.